

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DSST  
Ngày 01 - 10 - 2021  
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Hồng Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Trần Thị Sang

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên  
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9, ngày 01 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2021/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Thạch X, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BC, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

***- Bị đơn:*** Bà Thạch Thị S, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BL, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Bà Thạch Thị Thanh X, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BL, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

***- Người làm chứng:*** Bà Thạch Thị N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BL, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

***- Phiên dịch:*** Ông Nhan S

Địa chỉ: Ấp PN, xã SL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thạch X trình bày:*

Ông cho bà Thạch Thị S vay tiền 02 lần:

Lần 1 vào ngày 11 tháng 9 năm 2017 vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ 11/9/2017 đến 11/12/2017.

Lần 2 vào ngày 15 tháng 12 năm 2017 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ 15/12/2017 đến 15/3/2018.

Mỗi lần vay, bà S đều có ký tên vào biên nhận, 01 biên nhận 50.000.000 đồng vào ngày 11 tháng 12 năm 2017 và 01 biên nhận vào ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Khi vay tiền, bà S có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 144893 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 36 QSDĐ ngày 02/4/2004) thửa đất 1453, 284 tờ bản đồ số 5, diện tích 20.710 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh do bà Thạch Thị S đứng tên để đảm bảo cho khoản vay.

Tổng cộng bà S vay tiền của ông tổng cộng là 150.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận ở hai lần vay là 15%/tháng (5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày).

Bà S đóng được tiền lãi của phần tiền vay 50.000.000 đồng là 7.500.000 đồng và tiền vay 100.000.000 đồng là 15.000.000 đồng, kể từ ngày vay.

Bà S chưa thanh toán được số tiền gốc.

Nay ông yêu cầu bà Thạch Thị S trả số tiền đã vay là 150.000.000 đồng, không yêu cầu bà S trả lại tiền lãi suất. Ông không yêu cầu bà Thạch Thị Thanh X cùng trả số nợ 150.000.000 đồng này vì đây là khoản vay riêng của bà Thạch Thị S, không liên quan đến bà Thạch Thị Thanh X. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông với bà S vì bà Thạch Thị S chưa trả tiền cho ông.

*\* Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn Thạch Thị S trình bày:*

Bà vay tiền của ông X 03 lần:

Lần 1, bà vay 10.000.000 đồng, lần 2, bà vay 30.000.000 đồng, lần 3, bà vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Bà không nhớ rõ ngày tháng năm vay, bà chỉ nhớ là vay 02 lần đầu tiên vào năm 2017, vay lần 3 là vay vào năm 2018. Lúc đó bà với ông X không có thỏa thuận thời hạn vay, hai bên chỉ thỏa thuận khi nào có tiền thì bà sẽ trả cho ông X.

Khi vay bà có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất 1453, 284 tờ bản đồ số 5, diện tích 20.710 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh do bà Thạch Thị S đứng tên) cho ông X.

Những lần vay tiền, bà không có ký tên vào biên nhận một mình. Bà có ký tên chung với chị bà là Thạch Thị Thanh X biên nhận số tiền 110.000.000 đồng (trong biên nhận này, bà vay của ông X 40.000.000 đồng, bà Thạch Thị Thanh X vay 70.000.000 đồng), lần sau hai chị em vay thêm 40.000.000 đồng (trong biên nhận này bà vay 10.000.000 đồng, bà Thạch Thị Thanh X vay 30.000.000 đồng), khi bà và bà X vay 40.000.000 đồng thì ông X có làm biên nhận cộng với số tiền lần trước cùng chung một biên nhận là 150.000.000 đồng, bà và bà X có ký tên vào biên nhận này.

Bà không có ký tên một mình vào biên nhận nào như ông X trình bày. Bà cho rằng ông X tự làm biên nhận và ký tên vào đó.

Mỗi lần vay tiền, bà có đóng lãi cho ông X đầy đủ như thỏa thuận (việc đóng lãi cho ông X không có làm giấy tờ cũng không có ai chứng kiến) và sau khi ông Thạch X tổng cộng số nợ lại là 150.000.000 đồng (số nợ này do bà và bà Thạch Thị Thanh X vay chung) thì bà có gửi số tiền cho bà Thạch Thị N, sinh năm 1963, địa chỉ Ấp BC, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh (là chị ruột ông X) số tiền 10.000.000 đồng để đóng lãi cho phần vay riêng của bà là 50.000.000 đồng, ngoài ra không có ai biết ai chứng kiến việc đóng lãi 10.000.000 đồng.

Nay ông Thạch X yêu cầu bà thanh toán số tiền 150.000.000 đồng. Bà không đồng ý trả số nợ này cho ông Thạch X vì bà không có vay và không có ký tên vào biên nhận nào như ông X trình bày. Bà yêu cầu ông X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất 1453, 284 tờ bản đồ số 5, diện tích 20.710 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh do bà Thạch Thị S đứng tên) mà bà đã thế chấp cho ông X.

*\* Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Thanh X trình bày:*

Bà và em bà là Thạch Thị S đi vay tiền chung của ông Thạch X tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Lần 1: Bà vay 20.000.000 đồng, lần 2 bà vay 50.000.000 đồng, lần 3 là 30.000.000 đồng, bà không nhớ rõ ngày/tháng/năm vay, bà chỉ nhớ là vay 02 lần đầu tiên vào năm 2017, vay lần 3 là vay vào năm 2018, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi vay tiền thì không có thỏa thuận thời hạn vay, chỉ có thỏa thuận là khi nào có tiền mới trả.

Đối với lần 1 và lần 2, bà và bà Thạch Thị S có làm một biên nhận tổng cộng số tiền 110.000.000 đồng (trong biên nhận này bà Thạch Thị S vay 40.000.000 triệu, bà vay 70.000.000 đồng, nên bà và bà Thạch Thị S làm chung một biên nhận là 110.000.000 đồng và cùng ký tên vào đó.

Bà và bà Thạch Thị S đã đóng xong phần lãi của tiền vốn gốc 110.000.000 đồng nhưng bà và bà Thạch Thị S không nhớ đóng được bao nhiêu tiền lãi, đóng vào thời gian nào (mỗi lần đóng lãi không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến việc đóng lãi này).

Đến năm 2018, bà và bà Thạch Thị S vay của ông X thêm 40.000.000 đồng nữa (Trong đó bà S vay 10.000.000 đồng, bà vay 30.000.000 đồng).

Sau khi vay số tiền 40.000.000 đồng, ông Thạch X có làm biên nhận mới cộng chung khoản vay 110.000.000 đồng và 40.000.000 đồng là 150.000.000 đồng. Bà và bà Thạch Thị S ký tên chung vào biên nhận 150.000.000 đồng này.

Sau khi cộng chung lại số tiền 150.000.000 đồng, bà có gởi tiền lãi cho bà Thạch Thị N (chị ruột ông X) số tiền lãi 30.000.000 đồng của phần tiền bà vay là 100.000.000 đồng.

Nay ông Thạch X yêu cầu bà Thạch Thị S trả số tiền 150.000.000 đồng, bà không thống nhất vì bà biết bà S không có vay tiền của ông X số tiền 150.000.000 đồng. Bà Thạch Thị S chỉ vay số tiền của ông X là 50.000.000 đồng.

*\* Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Thạch Thị N là người làm chứng trình bày:*

Trước đây, bà có dẫn bà Thạch Thị S và bà Thạch Thị Thanh X đến gặp ông Thạch X để vay tiền, lần đầu vào năm 2017 (bà không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể) bà Thạch Thị S vay riêng 50.000.000 đồng, bà Thạch Thị Thanh X vay 110.000.000 đồng. Còn những lần vay sau, bà S và bà X tự gặp ông X để vay nên bà không biết những lần vay sau bà S và bà X vay số tiền bao nhiêu.

Bà không có nhận tiền lãi 10.000.000 đồng từ bà Thạch Thị S để đóng lãi cho ông Thạch X. Bà chỉ có nhận tiền lãi của bà Thạch Thị Thanh X số tiền 30.000.000 đồng để đóng lãi cho ông X phần tiền vay riêng của bà X.

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Thạch X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Thạch Thị S trả số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Thạch Thị Thanh X cùng thanh toán số nợ, ông không đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S vì bà S chưa thanh toán tiền cho ông.

Bà Thạch Thị S không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Thạch X.

Bà Thạch Thị Thanh X thống nhất theo ý kiến của bà Thạch Thị S.

Các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án:

- Biên nhận ngày 11/12/2017;
- Biên nhận ngày 15/3/2018;
- Kết luận giám định số 209/KLGD ngày 08/4/2021;
- Các biên bản đối chất, biên bản lấy lời khai.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 26, 68, 70, 71, 72 177, 196, 203, 208 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch X.

Buộc bà Thạch Thị S trả cho ông Thạch X số tiền là 150.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc ông Thạch X yêu cầu bà Thạch Thị Thanh X cùng thanh toán số nợ.

Buộc ông Thạch X trả lại cho bà Thạch Thị S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Thạch Thị S đã thế chấp.

Về án phí: Nguyên đơn ông Thạch X, bị đơn bà Thạch Thị S phải chịu án phí dân sự và chi phí giám định chữ ký theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Thạch Thị S trả lại 150.000.000 đồng. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay”. Bị đơn cư trú tại ấp Bình La, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch X yêu cầu bà Thạch Thị S trả lại số tiền gốc là 150.000.000 đồng: HĐXX xét thấy, việc vay nợ giữa các bên là do các bên tự thỏa thuận với nhau về số tiền gốc và tiền lãi suất.

Lần 1: Ngày 11/9/2017, bà Thạch Thị S vay của ông Thạch X số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay từ ngày 11/12/2017 đến 11/3/2018.

Bà Thạch Thị S đóng lãi được số tiền 7.500.000 đồng. Bà S chưa trả được số tiền gốc.

Lần 2: Ngày 15/11/2017, bà Thạch Thị S vay của ông Thạch X số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay từ ngày 15/11/2017 đến 15/3/2018.

Bà Thạch Thị S đóng lãi được số tiền 15.000.000 đồng. Bà S chưa trả được số tiền gốc.

Ở mỗi lần vay, sau khi bà S đóng lãi cho ông thì giữa ông Thạch X và bà Thạch Thị S có làm “Biên nhận” đề ngày 11/12/2017 và biên nhận 15/3/2018, phía dưới có chữ ký của bà Thạch Thị S.

Căn cứ vào 02 biên nhận mà ông Thạch X cung cấp cho Tòa án, biên bản đối chất, biên bản lấy lời khai thể hiện việc vay tiền của bà Thạch Thị S là có thật. Bà Thạch Thị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay vào các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với lời nại ra của bà Thạch Thị S, bà cho rằng không có vay tiền của ông Thạch X số tiền 150.000.000 đồng như ông X đã khởi kiện. Bà cho rằng bà không có ký tên vào biên nhận 50.000.000 đồng vay ngày 11/12/2017 và biên nhận 100.000.000 đồng vào ngày 15/3/2018. Tuy nhiên theo Kết luận giám định số 209/KLGD ngày 08/4/2021 thể hiện “Chữ ký mang tên Thạch Thị S trên hai biên nhận, ngày 11/12/2017 (ký hiệu A1); ngày 15/3/2018 (ký hiệu A2) so với chữ ký Thạch Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M5...M12) do cùng một người ký ra”.

Mặt khác bà S cho rằng bà và bà X có ký một biên nhận chung thể hiện nội dung bà có vay của ông Thạch X số tiền 150.000.000 đồng (Trong biên nhận này thể hiện bà vay 50.000.000 đồng, bà Thạch Thị Thanh X vay 100.000.000 đồng), tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà không có đưa ra được các văn bản giấy tờ thể hiện có biên nhận mà bà và bà Thạch Thị Thanh X vay số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra đối với biên nhận 110.000.000 đồng, bà Thạch Thị S và bà Thạch Thị Thanh X đã thỏa thuận với ông Thạch X, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 190/2021/QĐST-DS ngày 02/7/2021, trong quyết định thể hiện: “Bị đơn, bà Thạch Thị Thanh X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S thống nhất trả số tiền vay cho nguyên đơn ông Thạch S số tiền 285.000.000 đồng (Vốn gốc 210.000.000 đồng, lãi là 75.000.000 đồng), trong hồ sơ vụ án trên thể hiện có 02 biên nhận: 01 biên nhận 110.000.000 đồng, bà X và bà S ký tên chung, 01 biên nhận 100.000.000 đồng bà X ký tên một mình. (BL 92, 93, 94)

Do đó đối với lời nại ra của bà Thạch Thị S cho rằng bà không có nợ ông Thạch X theo hai biên nhận mà ông X cung cấp cho Tòa án là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Thạch X về việc yêu cầu bà Thạch Thị S trả số tiền gốc theo 02 biên nhận tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Thạch X, không yêu cầu bà Thạch Thị Thanh X cùng trả số nợ 150.000.000 đồng. Ông cho rằng khoản vay 150.000.000 đồng là khoản vay riêng của một mình bà Thạch Thị S. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi khởi kiện của ông Thạch X là phù hợp với quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Thạch X, chỉ buộc một mình bà Thạch Thị S trả số tiền 150.000.000 đồng cho ông Thạch X.

[3] Về mức lãi suất: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, ông X có yêu cầu bà Thạch Thị S trả cho ông số tiền lãi suất của hai khoản lãi theo quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông Thạch X không yêu cầu bà Thạch Thị S trả tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Đối với yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Thạch Thị S: Bà S yêu cầu ông Thạch X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 144893 (vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 36 QSDĐ/QĐ-UBH ngày 02 tháng 4 năm 2004 mà ông Thạch X đang giữ. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong biên nhận ngày 11/12/2017 và biên nhận ngày 15/3/2018 thể hiện nội dung bà Thạch Thị S có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thạch X giữ. Ông Thạch X cũng thừa nhận bà Thạch Thị S có thể chấp cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay, việc ông X nại ra ông không đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà S chưa trả tiền cho ông là không đúng với quy định pháp luật, việc thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay giữa ông Thạch X và bà Thạch Thị S không tuân theo quy định về trình tự, thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc ông Thạch X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S.

[5] Về chi phí giám định chữ ký và án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 40, 116, 117, 119, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch X.

Buộc bà Thạch Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Thạch X số tiền 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng, ông Thạch X không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Thạch X trả cho bà Thạch Thị S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 144893 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 36 QSDĐ/ QĐ-UBH ngày 02/4/2004, thửa 1453, 284 tờ bản đồ số 5, diện tích 20.710 m<sup>2</sup> do bà Thạch Thị S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Về án phí: Buộc bà Thạch Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000 đồng.

Ông Thạch X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Về chi phí giám định chữ ký: Buộc bà Thạch Thị S phải chịu 2.430.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành để trả lại cho ông Thạch X số tiền tạm ứng chi phí giám định là 2.430.000 đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Thị Hồng Nhân**



